



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1193/QĐ-VACI ngày 05 tháng 5 năm 2022
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm định Chất lượng Vinacontrol**

Laboratory: **Vinacontrol Quality Verification Center**

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL**

Holding organization: **VINACONTROL CERTIFICATION AND VERIFICATION JOINT STOCK COMPANY**

Lĩnh vực: **Điện – Điện tử; Vật liệu xây dựng**

Field of testing: **Electrical – Electronic; Civil Engineering**

Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Tài Hiển**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Đỗ Thịnh Thắng	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
2.	Nguyễn Công Hùng	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
3.	Nguyễn Tài Hiển	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
4.	Hoàng Hồng Thanh	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
5.	Phạm Minh Ngọc	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
6.	Phạm Đức Minh	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
7.	Nguyễn Thị Phương	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
8.	Đặng Ngân Sơn	Các phép thử được công nhận: Xi măng, bê tông và bê tông nặng, gạch đất sét nung, gạch bê tông, vật liệu kim loại. <i>Accredited tests: Cement, concrete and heavy weight concrete, burned clay bricks, concrete bricks, metallic material.</i>
9.	Đỗ Trọng Minh	Các phép thử được công nhận: Xi măng, bê tông và bê tông nặng, gạch đất sét nung, gạch bê tông. <i>Accredited tests: Cement, concrete and heavy weight concrete, burned clay bricks, concrete bricks.</i>



V A C I

PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1193/QĐ-VACI ngày 05 tháng 5 năm 2022
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

10.	Vũ Bá Huy	Thử vật liệu kim loại <i>Metallic material test</i>
11.	Phan Văn Lợi	Thử vật liệu kim loại <i>Metallic material test</i>
12.	Ngô Duy Hưng	Các phép thử được công nhận: Quy trình đo, thử nghiệm cảm biến đếm trục. <i>Accredited tests: Procedure for measuring, testing the axis counting sensor.</i>

Số hiệu/Code: VALAS 001

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 04/ 5/ 2027

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

No. 54 Tran Nhan Tong, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location: :

25-27 Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

25-27 Truong Dinh, Truong Dinh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 024.6291.0444

Fax: 024.3944.8089

Email: vncc@vncc.vn

Website: www.vncc.vn

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
C. T. LU
Ệ T N.
LỘ ★

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical – Electronic

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thiết bị phát hiện tàu hỏa <i>Train detection device</i>	Kiểm tra sai số đếm trục của thiết bị phát hiện tàu hỏa <i>Check the axis counting error of the train detector</i>	10^7 trục/ axis	Quy trình đo, thử nghiệm cảm biến đếm trục WI.KTDT- 22/S <i>The process of measuring and testing the axis counting sensor WI.KTDT-22/S</i>

ẤN
JNC
M
VN

Lĩnh vực thử nghiệm: *Vật liệu xây dựng*

Field of testing: *Civil Engineering*

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Xi măng <i>Cement</i>	Xác định cường độ <i>Determination of strength</i>	-	TCVN 6016:2011 ISO 679:2009
2.	Bê tông và bê tông nặng <i>Concrete and heavy weight concrete</i>	Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	-	TCVN 3118:1993
3.		Xác định cường độ kéo khi uốn <i>Determination of flexural strength</i>	-	TCVN 3119:1993
4.	Gạch đất sét nung <i>Burned clay bricks</i>	Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	-	TCVN 6355-2:2009
5.		Xác định cường độ uốn <i>Determination of bending strength</i>	-	TCVN 6355-3:2009
6.	Gạch bê tông <i>Concrete bricks</i>	Cường độ nén <i>Compressive strength</i>	-	TCVN 6477:2016
7.		Độ hút nước <i>Water absorption</i>	-	TCVN 6477:2016
8.	Vật liệu kim loại <i>Metallic material</i>	Độ bền kéo <i>Tensile strength</i>	-	TCVN 197-1:2014
9.		Độ giãn dài khi đứt <i>Elongation at break</i>	-	TCVN 197-1:2014
10.		Thử uốn <i>Bend test</i>	-	TCVN 198:2008

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam/ *Vietnam standards.*